BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG VĨNH XUÂN

PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 9380107

HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS-TS PHAN HUY HỒNG
2. TS. PHẠM TRÍ HÙNG

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

TP.HỒ CHÍ MINH - 2019

Công tình được hoàn thành tại: Trường Đại Học Luật TP. HCM

Người hướng dẫn khoa học

1. PGS-TS Phan Huy Hồng
2. TS. Phạm Trí Hùng

Phản biện 1:.....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận án cấp Trường họp tại phòng…....Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, vào hồi…giờ……phút,, ngày……tháng…….năm……

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4 hoặc Thư viện Khoa học Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dựa trên chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, công ty cổ phần (CTCP) ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời và phát triển từ những năm 90 của thế kỷ XX. Tuy nhiên, để công chúng quan tâm đầu tư vào CTCP, pháp luật về quyền của cổ đông, nhất là của cổ đông phổ thông (CĐPT), cần phải tạo hành lang pháp lý để các CĐPT chủ động thực hiện, bảo vệ quyền của họ một cách tốt nhất.

Hiện nay, Luật Doanh nghiệp (LDN) 2014 là nguồn luật chủ yếu quy định về quyền của CĐPT trong CTCP. Luật này đã kế thừa các quy định của LDN 2005 về quyền của CĐPT nhưng có sự bổ sung và hoàn thiện hơn. Những quy định mới của LDN 2014 đã dành cho CĐPT nhiều quyền hơn để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng một cách tốt nhất. Nhưng, nhiều quy định về các nội dung quyền của CĐPT trong LDN 2014 chưa được quy định hoặc quy định nhưng chưa rõ ràng, còn nhiều bất cập.

Ở Việt Nam, quyền của CTCP và pháp luật về quyền của CĐPT đã được nghiên cứu từ trước và sau khi thống nhất đất nước ở nhiều dạng khác nhau. Trong khi đó, ở nước ngoài, quyền của CĐPT và pháp luật về quyền của CĐPT được nghiên cứu nhiều hơn. So với các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, các công trình nghiên cứu ở Việt Nam chưa thể hiện đầy đủ, khái quát cơ sở lý luận của pháp luật về quyền của CĐPT, nhất là các lý thuyết, học thuyết về quyền của CĐPT. Hơn nữa, nhiều nội dung quy định pháp luật còn nhiều bất cập so với thực

tiễn hoặc chưa được pháp luật quy định … Do đó, pháp luật về quyền của CĐPT cần phải được nghiên cứu một cách có hệ thống, đảm bảo tính toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu của lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1 Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc xây dựng cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật về quyền của CĐPT và đề ra các giải pháp, đề tài góp phần (i) hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT; (ii) là công cụ, phương tiện pháp lý hữu hiệu để CĐPT bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CĐPT và (iii) xa hơn là công cụ thu hút công chúng đầu tư vào CTCP.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, xây dựng cơ sở lý luận pháp luật về quyền của CĐPT; *thứ hai*, đánh giá thực trạng pháp luật về quyền của CĐPT; và *thứ ba*, đề xuất những kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT, hướng đến mục đích pháp luật về quyền của CĐPT là công cụ, phương tiện pháp lý hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích của CĐPT.

3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là ***pháp luật về quyền của CĐPT***.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu lý luận: đề tài luận án nghiên cứu dựa trên 04 lý thuyết chủ yếu: lý thuyết về quyền sở hữu, lý thuyết về mối quan hệ của các hợp đồng, học thuyết về đại diện,

lý thuyết về bất cân xứng thông tin. Đồng thời, lý luận pháp luật về quyền của CĐPT được dựa trên lý luận về nhà nước và pháp luật truyền thống của khoa học pháp lý Việt Nam hiện nay. Những góc nhìn khác chỉ có tính chất tham khảo làm phong phú thêm lý luận pháp luật về quyền của CĐPT trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Phạm vi pháp luật nghiên cứu: pháp luật về quyền của CĐPT của CTCP được điều chỉnh bởi LDN 2014 và mở rộng nghiên cứu pháp luật về quyền của CĐPT trong Luật chứng khoán (LCK) 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Luật Đầu tư năm 2014, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các văn bản luật khác có liên quan.

- Phạm vi nghiên cứu về thời gian và không gian: đề tài luận án nghiên cứu pháp luật về quyền của CĐPT ở Việt Nam, từ khi LDN 2005 có hiệu lực.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài luận án dựa trên phương pháp luận nghiên cứu duy vật biện chứng của triết học Mác – Lênin và các các phương pháp cụ thể: phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp nghiên cứu tài liệu, các công trình nghiên cứu, phương pháp giải thích luật, phương pháp so sánh , phương pháp nghiên cứu một số vụ án, phương pháp mô tả thống kê.

***5*. Điểm mới của luận án**

Thứ nhất, dựa trên cách tiếp cận truyền thống, luận án đã hệ thống các lý thuyết, học thuyết chủ yếu làm cơ sở cho xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông; xây dựng cơ sở lý luận của pháp luật về quyền của cổ đông phổ

thông, bao gồm khái niệm, đặc điểm, bản chất và cấu trúc pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông.

Thứ hai, luận án đánh giá sự thể chế các lý thuyết, học thuyết về quyền của cổ đông phổ thông trong LDN 2014 và các quy định pháp luật có liên quan. Song song đó, luận án phân tích thực trạng pháp luật về quyền của CĐPT và đánh giá những quy định pháp luật về quyền của CĐPT trong thực tiễn, so với pháp luật một số nước và kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam.

Thứ ba, luận án đề xuất kiến nghị và những giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận án "Pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP" là một công trình nghiên cứu chuyên sâu về quyền của CĐPT ở Việt Nam. Luận án xây dựng cơ sở lý luận cho pháp luật về quyền của CĐPT, phân tích bất cập của quy định pháp luật, những tình huống thực tiễn và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP nói riêng, cho pháp luật doanh nghiệp nói chung. Những đóng góp về mặt lý luận cũng như thực tiễn, luận án không chỉ có giá trị khoa học cho công việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập mà còn có giá trị cho hoạt động xây dựng pháp luật doanh nghiệp hiện nay. Pháp luật về quyền của CĐPT không những là hành lang pháp lý cho các CĐPT thực hiện quyền của mình mà còn là công cụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CĐPT.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, luận án được trình bày trong 4 chương.

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu.

Chương 2. Cơ sở lý luận của pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP.

Chương 3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về các quyền của CĐPT trong CTCP.

Chương 4. Những kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1 Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Các công trình nước ngoài có nhiều khía cạnh khác nhau về CTCP và quyền của cổ đông như: *thứ nhất*, bàn về thuật ngữ cổ phần; *Thứ hai*, bàn về tư cách của cổ đông trong CTCP; *Thứ ba*, xác định các quyền hoặc các nhóm quyền của cổ đông; *Thứ tư,* nghiên cứu các lý thuyết cơ bản liên quan đến quyền của cổ đông; *Thứ năm*, đánh giá về thực tiễn thực hiện quyền và cơ chế thực hiện quyền của CĐPT.

Các công trình nổi bật gồm: "*Corporate Governance, 3th editon*", "*Commercial Aplications of company Law, 13th Edition*", "*Company Law", "The outside investor: citizen shareholder and corporate alienation", "Principles of Business Law*", "*Company law and corporate finance*", "*OECD principles of Corporate Governance", "Les Nouvelles Théories De L'entreprise", "The doctrinal basis of the rights of company shareholders", Supervision and Enforcement in Corporate Governance...*

1.1.2 Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Các nghiên cứu thể hiện ở những khía cạnh khác nhau, gồm: "*LDN: vốn và quản lý trong CTCP*", "*LDN: bảo vệ cổ đông – pháp luật và thực tiễn*", "*Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh*", "*CTCP - quyền và nghĩa vụ của cổ đông*", "*Quyền của cổ đông thiểu số theo pháp luật Việt Nam*", "*Rà soát Pháp luật kinh doanh*", các *Báo cáo thẻ điểm quản trị công ty của IFC*, "*Quyền dự họp ĐHĐCĐ của cổ đông nhỏ CTCP hiện nay*", "*Khi cổ đông nhỏ cản đường cổ đông lớn*"; "*Bàn thêm về đa sở hữu và vai trò của cổ đông chiến lược*"; "*Góc nhìn khác về quyền ưu tiên của cổ đông lớn*"; "*Bất cập quy chế quản trị doanh nghiệp*", *"Tạo thuận lợi hơn cho việc thực hiện quyền cổ đông trong Luật Liên minh châu Âu và luật Đức – Kinh nghiệm cho Việt Nam", Biện pháp bảo vệ cổ đông, thành viên công ty: lý luận và thực tiễn*", "*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ cổ đông thiểu số", "Thoả thuận cổ đông: một nội dung mới của pháp luật Việt Nam", "ĐHĐCD theo pháp LDN Việt Nam*", "*Công ty: vốn, quản lý và tranh chấp theo LDN năm 2005*", "*Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm quyền CĐPT CTCP*"...

1.1.3 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Các công trình đã nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau của pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP. Thông qua đó, nhiều nội dung của pháp luật về quyền của cổ đông, CĐPT có thể tiếp tục được nghiên cứu, hệ thống như:

Một là, ở Việt Nam, các lý thuyết cơ sở về quyền của cổ đông, CĐPT chưa được nghiên cứu một cách thỏa đáng và đầy đủ.

Hai là, lý luận pháp luật về quyền của CĐPT trong khoa học pháp lý ở Việt Nam cần được tiếp tục nghiên cứu.

Ba là, các công trình nghiên cứu chưa đánh giá toàn diện giá trị thực tiễn của pháp luật về quyền của CĐPT theo quy định của LDN 2014 và các văn bản pháp luật khác.

1.2 Các lý thuyết về quyền của cổ đông phổ thông

Trên nền tảng chủ nghĩa Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, luận án còn dựa trên các lý thuyết, học thuyết: lý thuyết về quyền sở hữu *(A theory of property)*, lý thuyết về mối quan hệ của các hợp đồng *(The Nexus of Contracts Theory)*, học thuyết về đại diện (*Agency Theory*) và lý thuyết bất cân xứng thông tin (*Theory of Asymmetric Information*) và các lý thuyết khác như cổ đông là công cụ chính sách của nhà nước (*shareholders as an Instrument of policy)*, lý thuyết quyền tiên mãi *(Pre-emptive rights theory)*, lý thuyết về pháp nhân, về công ty đối vốn…

1.3 Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.3.1 Câu hỏi nghiên cứu

Luận án tiến sĩ với đề tài "Pháp luật về quyền của CĐPT trong CTCP" được thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề được đặt ra dưới dạng câu hỏi nghiên cứu như sau:

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát: Pháp luật về quyền của CĐPT đã thực sự bảo vệ lợi ích chính đáng của CĐPT chưa?

Các câu hỏi nghiên cứu chi tiết:

Thứ nhất, lý luận pháp luật về quyền của CĐPT là gì?

Thứ hai, giá trị thực tiễn của pháp luật về quyền của CĐPT được thể hiện như thế nào?

Thứ ba, hướng hoàn thiện nào là cần thiết để pháp luật về quyền của CĐPT phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và là công cụ, phương tiện pháp lý thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CĐPT trong CTCP?

1.3.2 Các giả thuyết nghiên cứu

Pháp luật về quyền của CĐPT còn nhiều bất cập, chưa hoàn thiện nên chưa thực sự trở thành công cụ, phương tiện pháp lý hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CĐPT. Cụ thể:

- Lý luận pháp luật về quyền của CĐPT bao gồm khái niệm, đặc điểm, bản chất và cấu trúc của pháp luật về quyền của CĐPT và các lý thuyết về quyền của CĐPT như lý thuyết về quyền sở hữu, lý thuyết về mối quan hệ của các hợp đồng, học thuyết về đại diện và lý thuyết bất cân xứng thông tin.

- Nhiều quy định của LDN 2014 về quyền của CĐPT đã có bước tiến bộ nhưng cũng còn những hạn chế, bất cập: chưa thừa nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận cổ đông, quy định về kiểm soát giao dịch của người quản lý, điều hành công ty chưa được quy định chặt chẽ, các chủ thể có nghĩa vụ đáp ứng quyền của CĐPT và lạm quyền vi phạm trong việc đảm bảo thực hiện pháp luật về quyền của CĐPT.

- Các giải pháp giải quyết những bất cập: thừa nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận cổ đông, quy định chặt chẽ việc kiểm soát giao dịch của người quản lý, điều hành công ty và tăng

cường trách nhiệm pháp lý của những chủ thể có nghĩa vụ trong việc đảm bảo thực hiện pháp luật về quyền của CĐPT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

2.1 Những vấn đề lý luận chung của pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

2.1.1 Khái niệm pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

Dựa trên khái niệm quyền của CĐPT là khả năng CĐPT có những xử sự nhất định (những xử sự được công nhận, được hưởng và được đòi hỏi) gắn liền với mức độ sở hữu cổ phần và hiệu quả hoạt động kinh doanh của CTCP và cách định nghĩa pháp luật trong lý luận về nhà nước và pháp luật, pháp luật về quyền của CĐPT có thể được định nghĩa như sau:

Pháp luật về quyền của CĐPT trong hệ thống pháp luật Việt Nam là hệ thống các quy tắc xử sự điều chỉnh các mối quan hệ xã hội giữa CĐPT với công ty, CĐPT với cổ đông khác và CĐPT với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của CĐPT.

2.1.2 Đặc điểm của pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

Ngoài những đặc điểm của pháp luật nói chung, luật về quyền của CĐPT còn có những đặc điểm riêng như: *Thứ nhất*, pháp luật về quyền của CĐPT gắn liền với pháp luật về CTCP; *Thứ hai*, pháp luật về quyền của CĐPT do nhà nước ban hành, do điều lệ công ty, do thỏa thuận cổ đông quy định hoặc những

thông lệ quốc tế được khuyến khích áp dụng; *Thứ ba*, các quyền của CĐPT được pháp luật quy định phụ thuộc vào tỷ lệ sở hữu cổ phần của CĐPT trong tổng số cổ phần của công ty; *Thứ tư,* pháp luật về quyền của CĐPT điều chỉnh quan hệ xã hội giữa CĐPT với công ty, giữa CĐPT với cổ đông khác và giữa CĐPT với nhà nước trong bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông.

2.1.3 Bản chất của pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

Khi xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên nền tảng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có bản chất giai cấp. *Pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật về quyền của CĐPT nói riêng bao giờ cũng chịu sự chỉ đạo của chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Pháp luật về quyền của CĐPT phản ánh quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế, kinh tế tư nhân, nhưng đồng thời pháp luật cũng phản ánh lợi ích chung của toàn xã hội, những thông lệ tiến bộ, những kinh nghiệm pháp lý của các nước phát triển về quyền của CĐPT.

2.1.4 Cấu trúc của pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

Cấu trúc của pháp luật về quyền của CĐPT được xem xét tạm thời như một chế định luật, bao gồm một nhóm các quy phạm pháp luật, được phân định thành các nhóm nhỏ hơn, điều chỉnh nhóm các quan hệ xã hội có mối liên hệ mất thiết với nhau, tạo thành một thể thống nhất. Đó là: *Thứ nhất*, nhóm các quy phạm pháp luật về quyền của CĐPT điều chỉnh mối quan

hệ xã hội giữa CĐPT với công ty; *Thứ hai*, nhóm các quy phạm pháp luật về quyền của CĐPT điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa CĐPT với cổ đông khác; *Thứ ba*, nhóm các quy phạm pháp luật về quyền của CĐPT điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa CĐPT với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong bảo vệ lợi ích chính đáng của CĐPT.

2.1.5 Phân loại quyền của cổ đông phổ thông theo pháp luật Việt Nam

Quyền của CĐPT theo pháp luật Việt Nam có thể chia thành năm nhóm quyền: các quyền tài sản của CĐPT, quyền thỏa thuận của cổ đông CĐPT, các quyền tham gia quyết định của CĐPT, các quyền thông tin của CĐPT và quyền khởi kiện, yêu cầu tòa án bảo vệ quyền lợi của CĐPT

2.2 Những lý thuyết cơ bản về quyền của cổ đông phổ thông.

Đề tài được nghiên cứu trên nền tảng chủ nghĩa Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh và phải chịu sự chỉ đạo của chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng chính trị duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Bên cạnh đó, đề tài cũng được nghiên cứu dựa trên các lý thuyết chủ yếu của pháp luật về quyền của CĐPT như:

2.2.1 Lý thuyết về quyền sở hữu *(A theory of property)*

2.2.2 Lý thuyết về mối quan hệ của các hợp đồng (*the Nexus of Contracts Theory*)

2.2.3 Học thuyết về đại diện *(Agency Theory)*

2.2.4 Lý thuyết về bất cân xứng thông tin *(Theory of Asymmetric Information)*

2.3 Vai trò của pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

Vai trò của pháp luật về quyền của CĐPT thể hiện trên hai phương diện: pháp luật về quyền của CĐPT tạo hành lang pháp lý để các CĐPT chủ động thực hiện quyền và là công cụ, phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CĐPT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

3.1 Sự thể chế các lý thuyết, học thuyết trong pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông ở Việt Nam hiện nay

3.1.1 Sự thể chế các lý thuyết về quyền sở hữu trong pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

3.1.2 Sự thể chế lý thuyết về mối quan hệ của các hợp đồng trong pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

3.1.3 Sự thể chế học thuyết về đại diện trong pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

3.1.4 Sự thể chế lý thuyết về bất cân xứng thông tin trong pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

Nhìn chung, ở Việt Nam hiện nay, sự thể chế các lý thuyết về quyền của CĐPT trong ban hành các văn bản pháp luật về công ty thực hiện từng bước. Một số lý thuyết được thể chế tương đối đầy đủ (như lý thuyết về quyền sở hữu, lý thuyết về bất cân xứng thông tin) nhưng một số lý thuyết khác đã được thể chế dù sự thể chế cũng còn hạn chế hoặc chưa thể chế (như học thuyết đại diện, lý thuyết về mối quan hệ của các hợp đồng). Các lý thuyết cần tiếp tục nghiên cứu và thể chế trong

điều kiện Việt Nam là nhu cầu thiết yếu trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT.

3.2 Pháp luật về các quyền tài sản của cổ đông phổ thông

3.2.1 Quyền được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quyền được nhận cổ tức của CĐPT được được LDN 2014 quy định nhưng cũng còn nhiều bất cập: *một là*, pháp luật Việt Nam chưa giới hạn tỷ lệ được trích lập các quỹ dự phòng trong tổng số lợi nhuận ròng của công ty; *hai là*, thời hạn thanh toán cổ tức thường không được tuân thủ và việc khởi kiện ở Tòa án yêu cầu trả cổ tức chưa được CĐPT quan tâm; *ba là*, quy định trả cổ tức "bằng tài sản khác" chưa được pháp luật minh định.

3.2.2 Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác

Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được pháp luật quy định tương đối đầy đủ, nhưng quyền tự do chuyển nhượng cổ phần cũng còn hạn chế: *một là*, thời điểm chuyển nhượng cổ phần của CĐPT chưa xác định rõ; *hai là*, việc chuyển nhượng cổ phần của người quản lý công ty chưa gắn với trách nhiệm pháp lý của họ khi quản lý, điều hành công ty; *ba là*, quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phải *"nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng"* là chưa phù hợp với bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; *bốn là*, công ty quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần trong điều lệ và giao thẩm quyền "*xem xét, chấp thuận"* về hạn chế chuyển nhượng cổ phần cho Hội đồng quản trị (HĐQT) là chưa hợp lý.

3.2.3 Quyền được nhận phần tài sản còn lại khi công ty giải thể, phá sản

Khi CTCP được tuyên bố phá sản, CĐPT có quyền nhận lại tài sản theo luật định nhưng thời gian để hoàn tất các thủ tục giải quyết tình trạng mất khả năng thanh toán kéo dài, chi phí phá sản tốn kém và xã hội chưa có thiện cảm với tình trạng phá sản.

3.2.4 Quyền hưởng lợi từ quyền ưu tiên mua cổ phần

Cổ đông hiện hữu của CTCP có quyền ưu tiên mua trước cổ phần khi công ty phát hành thêm cổ phần mới. Tuy nhiên, "tính minh bạch, công khai và không vụ lợi" trong một số trường hợp thuộc thẩm quyền chào bán của HĐQT có thể bị lợi dụng về mặt kỹ thuật, ảnh hưởng đến quyền thông tin về chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của CĐPT, ảnh hưởng đến công ty; một số chiêu thức có thể được cổ đông lớn và HĐQT lợi dụng làm ảnh hưởng đến quyền ưu tiên mua cổ phần của CĐPT hiện hữu.

3.3 Pháp luật về các quyền tham gia quyết định của cổ đông phổ thông

3.3.1 Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là quyền quan trọng, là tiền đề của quyền tham gia quyết định của CĐPT nhưng có ba khó khăn thường xảy ra khi thực hiện quyền dự họp: *một là*, HĐQT có thể đưa ra yêu sách bắt buộc cổ đông phải có tỷ lệ sở hữu số cổ phần tối thiểu mới được tham gia họp ĐHĐCĐ. *hai là*, quyền dự họp có thể bị hạn chế do thông tin liên quan đến họp ĐHĐCĐ chưa thuận lợi. *ba là*, một số quyền

bị hạn chế như quyền phát biểu hay chất vấn… làm cho CĐPT, nhất là CĐPT có tỷ lệ sở hữu cổ phần thấp không mặn mà tham dự họp. Riêng đối với họp ĐHĐCĐ bất thường, CĐPT khó thực hiện quyền triệu tập cả về điều kiện và hình thức triệu tập.

3.3.2 Quyền bỏ phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyền bỏ phiếu biểu quyết của CĐPT thể hiện ở nội dung và cách thức bỏ phiếu nhưng cũng còn nhiều bất cập: *một là*, LDN 2014 chưa quy định các trường hợp thành viên HĐQT bị bãi nhiệm; tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần để CĐPT giới thiệu, đề cử người vào thành viên HĐQT còn khá cao trong điều kiện ở Việt Nam; quy định hoàn trả một phần vốn góp dễ bị lợi dụng; quy định về quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của ĐHĐCĐ khá cao hơn một số nước; kiểm soát giao dịch của người quản lý, điều hành công ty dễ bị lạm dụng và khó kiểm soát; có thể thông qua điều lệ công ty với nội dung vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của CĐPT. *Hai là*, nhiều quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của các công ty vi phạm pháp luật; tính không bắt buộc của phương thức bầu dồn phiếu là bước thụt lùi trong bảo đảm quyền và lợi ích của CĐPT, nhất là những CĐPT có số cổ phần chiếm tỷ lệ thấp; nhiều hình thức bỏ phiếu mới chưa được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể; quy định về ủy quyền thực hiện quyền của CĐPT còn nhiều nội dung chưa hợp lý, chưa dự liệu hoặc chưa thuận lợi cho CĐPT.

3.4 Pháp luật về các quyền thông tin của cổ đông phổ thông

Thực tế cho thấy, các công ty mới chỉ tuân thủ các quy định về quyền cổ đông liên quan đến cơ quan quản lý và hoạt động quản lý công ty trên hình thức nhiều hơn là về thực chất. Pháp luật chưa quy định cụ thể quyền thông tin liên quan đến điều hành CTCP và việc thực hiện quyền thông tin của CĐPT gặp trở ngại. Đồng thời, trách nhiệm người quản lý công ty đối với vi phạm quyền thông tin vẫn chưa đề cập cụ thể và chưa đủ sức răn đe.

3.5 Pháp luật về quyền thỏa thuận của cổ đông phổ thông

Mặc dù hiện nay xuất hiện nhiều thỏa thuận về góp vốn thành lập CTCP, chuyển nhượng phần vốn góp có thể phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền của CĐPT nhưng LDN 2014 chưa thừa nhận giá trị pháp lý của các thỏa thuận giữa các CĐPT với nhau và giữa CĐPT với cổ đông khác về việc thực hiện quyền của CĐPT.

3.6 Pháp luật về quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi của cổ đông phổ thông

Thứ nhất, quyền yêu cầu hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của ĐHĐCĐ

Do tính chất đặc thù, pháp luật chỉ cho phép CĐPT thỏa mãn điều kiện luật định mới được thực hiện quyền yêu cầu hủy một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của ĐHĐCĐ. Số lượng các bản án, quyết định tòa án giải quyết "yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp" chiếm tỷ lệ thấp, chưa thực sự đi vào thực tiễn. Quyền khởi kiện của CĐPT bị từ chối, bị đình chỉ do CĐPT khởi kiện không đủ

điều kiện khởi kiện theo luật định, do tư cách CĐPT chưa được xác nhận, do hoạt động áp dụng pháp luật của thẩm phán đối với vi phạm trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ chưa thống nhất.

Hai là, quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc

Quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Giám đốc, tổng giám đốc (gọi chung người quản lý CTCP) là một trong những cách thức giúp nhà đầu tư bảo vệ quyền lợi cho mình. Mặc dù người quản lý công ty ảnh hưởng đến quyền lợi của CĐPT không ít nhưng số lượng các vụ kiện trách nhiệm dân sự của người quản lý, điều hành công ty quá ít. Tính thống nhất giữa các quy định pháp luật và LDN 2014 chưa đảm bảo; tính phù hợp về lợi ích, về thời gian, thủ tục, điều kiện và căn cứ pháp lý để thực hiện quyền khởi kiện của CĐPT còn chưa bảo đảm.

3.7 Kinh nghiệm của các nước khác có tính chất tham khảo cho xây dựng và hoàn thiện pháp luật về các quyền của cổ đông phổ thông

Quy định của các nước có thể làm kinh nghiệm cho Việt Nam học hỏi, thể chế trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT:

- Pháp luật hạn chế chuyển nhượng cổ phần của người quản lý công ty và trách nhiệm người quản lý công ty kể cả khi không còn là thành viên công ty; xác định tỷ lệ trích lập các quỹ hợp lý nhằm đảm bảo quyền nhận cổ tức của cổ đông.

- Pháp luật quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông hợp lý để thực hiện quyền kiến nghị bằng

văn bản cho HĐQT. Việc ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông cần được mở rộng đối tượng nhận ủy quyền và hình thức ủy quyền.

- Pháp luật nhiều nước quy định thỏa thuận cổ đông là một trong những quyền của cổ đông.

- Pháp luật cho phép đại diện nhân viên, công nhân là thành viên HĐQT; không được phép cung cấp bất kỳ khoản vay nào cho thành viên HĐQT; minh bạch mức thù lao của thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và nhân viên cao cấp khác; hạn chế chuyển nhượng cổ phần của người quản lý; HĐQT phải có trách nhiệm báo cáo tài chính, báo cáo kinh doanh cho kiểm toán viên, cho ban giám sát và công bố chính thức, cổ đông có quyền yêu cầu tòa án hạn chế một số quyền của người quản lý công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4. NHỮNG KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN Ở VIỆT NAM

4.1 Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông trong công ty cổ phần ở Việt Nam

Hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT xuất phát từ những nguyên nhân sau: *Một là* xuất phát từ nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam. *Hai là* nhu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Pháp luật về quyền của CĐPT phải trở thành công cụ "bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu

và quyền tài sản". *Ba là* nhu cầu của xã hội đầu tư, phát triển thị trường vốn cổ phần ở Việt Nam.

4.2 Những kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông trong công ty cổ phần ở Việt Nam

4.2.1 Tiếp nhận các lý thuyết về quyền của cổ đông phổ thông trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông

4.2.2 Hướng tới sự thuận lợi và linh hoạt trong thực hiện quyền của cổ đông phổ thông

4.2.3 Tạo điều kiện quản trị doanh nghiệp minh bạch và hiệu quả

4.2.4 Hướng tới bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cổ đông phổ thông

4.3 Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông trong công ty cổ phần ở Việt Nam

4.3.1 Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quyền nhận cổ tức của cổ đông phổ thông

- LDN quy định một "tỷ lệ tối đa các quỹ được trích lập trong lợi nhuận ròng hằng năm của công ty". Tỷ lệ tối đa các quỹ được trích lập không vượt quá 30% lợi nhuận ròng hằng năm của công ty.

- Để hạn chế việc trả cổ tức bằng tiền mặt cho CĐPT, CĐPT phải được tham gia và biểu quyết loại tài sản được sử dụng để trả cổ tức cho cổ đông.

- Những quy định của LDN 2014 cần sửa đổi, bổ sung: sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 132 LDN 2014 về tỷ lệ trích lập các quỹ trong lợi nhuận ròng hằng năm của công ty;

sửa đổi, bổ sung điểm o Khoản 2 Điều 149, Điểm b Khoản 2 Điều 135 và Điểm e Khoản 2 Điều 136 về "*tài sản được sử dụng để chia cổ tức*".

4.3.2 Giải pháp thừa nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận cổ đông

- Định nghĩa thỏa thuận cổ đông: "là sự thỏa thuận giữa những cổ đông với nhau liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông, gắn với hoạt động của công ty".

- Thỏa thuận cổ đông phải đảm bảo những nguyên tắc nhất định.

- Bổ sung và hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần: *một là*, bổ sung Khoản 30 Điều 4 LDN 2014 về định nghĩa cổ đông; *hai là*, bổ sung Điểm h Khoản 1 Điều 114 LDN 2014 về quyền thỏa thuận của CĐPT; *ba là*, bổ sung Khoản 5 Điều 30 Luật Tố tụng dân sự 2013 về thẩm quyền giải quyết tranh chấp thỏa thuận cổ đông của Tòa án.

4.3.3 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông phổ thông

LDN 2014 phải bổ sung, sửa đổi theo quan điểm "các quyền của CĐPT đều có thể ủy quyền cho người đại diện thực hiện các quyền do pháp luật, điều lệ công ty quy định".

- Bổ sung Khoản 6 Điều 114 LDN 2014 quy định chung về ủy quyền thực hiện quyền của CĐPT.

- Sửa đổi bổ sung Điểm a, Khoản 1, Điều 114 LDN 2014 nhằm cụ thể hóa phương án thực hiện nội dung ủy quyền đối với từng nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ của người được ủy quyền.

- Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 4, Điều 159 nhằm thống nhất tư cách của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và cổ đông.

- Sửa đổi, bổ sung điều 140 LDN 2014 nhằm tránh trùng lặp giữa khoản 1 và điểm b khoản 2 về hình thức ủy quyền dự họp và biểu quyết; bổ sung trường hợp người ủy quyền và người đại diện theo ủy quyền cùng dự họp và khi đó, quyền biểu quyết do người đại diện theo ủy quyền thực hiện nếu không có thỏa thuận khác.

- Hoàn thiện các văn bản pháp luật khác có liên quan đến đại diện theo ủy quyền như Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017)...

4.3.4 Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý của người quản lý công ty

- Nếu công ty lựa chọn mô hình quản lý công ty có thành viên HĐQT độc lập, LDN 2014 bổ sung Điểm e Khoản 2 Điều 151 để thành viên HĐQT độc lập *có thể là "đại diện nhân viên, người lao động trong công ty*". Sửa đổi, bổ sung khoản 2 điều 149 về thẩm quyền của HĐQT liên quan đến trách nhiệm tạo điều kiện cho nhân viên, người lao động lựa chọn người đại diện tham gia HĐQT

- LDN sửa đổi, bổ sung hướng tới hạn chế quyền chuyển nhượng cổ phần của người quản lý (sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 126 LDN 2014 và điểm e khoản 1 và khoản 2 điều 160).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 114 và khoản 6 Điều 114 LDN 2014 nhằm hạn chế quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ của

người quản lý công ty làm giảm hoặc miễn trách nhiệm trách nhiệm pháp lý của người quản lý công ty.

4.3.5 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát giao dịch của người quản lý công ty

Việc kiểm soát các giao dịch của người quản lý là chưa hiệu quả và nên phải hoàn thiện theo hai hướng: *một là*, bổ sung điều luật về thành lập một Ủy ban độc lập có chức năng tham mưu cho ĐHĐCĐ, HĐQT kiểm tra, giám sát các giao dịch liên quan đến giá trị tài sản hoặc các giao dịch với những đối tượng có liên quan; *hai là*, áp dụng nguyên tắc nhất trí thông qua, chấp thuận các giao dịch của HĐQT cần kiểm soát.

4.3.6 Xây dựng chế tài xử lý vi phạm pháp luật về quyền của cổ đông phổ thông có đủ sức răn đe.

Một là, văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật về quyền của CĐPT phải được quy định rõ ràng đối với từng loại công ty cổ phần. Bổ sung 01 (một) Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong tổ chức và hoạt động của công ty (trong đó bao gồm công ty cổ phần không đại chúng). *Hai là*, hệ thống chế tài phù hợp, mức chế tài phải đủ sức răn đe. *Ba là*, chế tài phải được tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

PHẦN KẾT LUẬN

CTCP phát triển ở nước Cộng hòa xã hộ chủ nghĩa Việt Nam từ sau khi đổi mới. Sự ra đời của Luật công ty 1990 đã đánh dấu cho bước phát triển của CTCP và cũng là bước phát triển của pháp luật về quyền của CĐPT.

Trong gần 30 năm phát triển CTCP, quy định pháp luật về quyền của CĐPT đã được nhiều công trình khoa học nghiên cứu. Nhưng việc nghiên cứu chưa có tính chất chuyên sâu và hệ thống. Luận án đã xuất phát từ những bất cập trong nghiên cứu và trong thực tiễn đã đặt ra những câu hỏi nghiên cứu nhằm xác định mục đích của công trình.

Qua quá trình nghiên cứu, luận án đã đánh giá pháp luật về quyền của CĐPT và cho thấy, pháp luật Việt Nam về quyền của CĐPT đã có nhiều tiến bộ so trước đây nhưng cũng còn nhiều bất cập, những bất cập tập trung ở ba nội dung cơ bản: một là, bất cập giữa các quy định với nhau về quyền của CĐPT; hai là, pháp luật chưa quy định và ba là, bất cập trong quá trình thực thi do quy định chưa phù hợp hoặc không thuận lợi cho CĐPT thực hiện quyền.

Đó cũng là phát hiện mới của luận án. Trên cơ sở những phát hiện đó luận án đã xác định rằng thời điểm hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT đã đến và cần thiết và đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của CĐPT. Những giải pháp tập trung hoàn thiện quy định pháp luật, bổ sung những nội dung mà pháp luật doanh nghiệp chưa quy định để CĐPT có được các quyền một cách đầy đủ nhất, có tính khả thi và phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Những giải pháp nhằm hoàn thiện các bất cập như: giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quyền nhận cổ tức của cổ đông phổ thông; giải pháp thừa nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận cổ đông; giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông phổ thông; giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về

trách nhiệm pháp lý của người quản lý công ty; giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát giao dịch của người quản lý công ty.

Đó là mong muốn của luận án, mong muốn rằng thông qua quy định và thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật về quyền của CĐPT sẽ góp phần ảnh hưởng tích cực đến tâm lý của nhà đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào thị trường vốn cổ phần ở Việt Nam. Thu hút vốn đầu tư là một trong mục tiêu giải quyết khúc mắc nguồn lực cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Trương Vĩnh Xuân (2010), Quyền dự họp Đại hội cổ đông của cổ đông nhỏ công ty cổ phần hiện nay, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 5(166) T3/2010, tr 48-51

2. Trương Vĩnh Xuân (2012), Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm quyền cổ đông phổ thông công ty cổ phần, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số17(225) T9/2012, tr 49-55

3. Trương Vĩnh Xuân ((2014), Mối quan hệ giữa quyền của cổ đông phổ thông và quyền tự do kinh doanh trong công ty cổ phần, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 6(262) T3/2014, tr 51-56.

4. Trương Vĩnh Xuân (2014), Điều kiện thành lập doanh nghiệp nhìn từ góc độ quyền tự do kinh doanh trong dự thảo Luật doanh nghiệp sửa đổi, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 18 (274) T9/2014, tr 35-43